

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT
T.P HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Khuất Đăng Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Bùi Đăng Lý**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Chiến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Liên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Văn Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/ QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn TM, xã TX, huyện TT, TP.HN.

2/ Bị đơn: Anh **Ngô Văn T1** sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn TM, xã TX, huyện TT, TP.HN.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020; bản tự khai ngày 14/5/2020 chị Kiều Thị H trình bày: Chị và anh **Ngô Văn T1** có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 19/7/2007 tại

UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức kết hôn anh chị về chung sống tại nhà riêng tại Thôn TM, xã TX, huyện TT, t.p Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 và kéo dài căng thẳng. Giai đoạn mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2019 cho đến nay. Mặc dù giữa hai vợ chồng không xảy ra xô sát tuy nhiên không khí gia đình càng ngày càng trở nên nặng nề và hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và làm ăn kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Đã có lần bản thân anh T đã đưa chị đến Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất để xin ly hôn nhưng sau đó lại không nộp đơn và về đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng cũng không tốt đẹp hơn mà mâu thuẫn càng ngày trở nên trầm trọng. Chị Kiều Thị H xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn và xin được ly hôn anh Ngô Văn T.

+ Về con chung: Chị Kiều Thị H xác định có 02 con chung là Ngô Kiều T2, sinh ngày 23/4/2008 và Ngô Đại T3, sinh ngày 03/9/2011. Chị H xin được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp và nợ chung: chị H không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2020 và các tài liệu khác phía bị đơn là anh Ngô Văn T1 trình bày: Anh và chị Kiều Thị H1 có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 19/7/2007 tại UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức kết hôn anh chị về chung sống tại nhà riêng tại thôn TM, xã TX, huyện TT, t.p Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 và kéo dài căng thẳng. Giai đoạn mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2019 cho đến nay. Mặc dù giữa hai vợ chồng không xảy ra xô sát tuy nhiên không khí gia đình càng ngày càng trở nên nặng nề và hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và làm ăn kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Đã có lần bản thân anh đã đưa chị H đến Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất để xin ly hôn nhưng sau đó lại không nộp đơn và về đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng cũng không tốt đẹp hơn mà càng ngày càng trầm trọng. Anh T1 cho rằng tình cảm của anh với chị H vẫn còn nên xin được đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh T1 xác định có 02 con chung là Ngô Kiều T2, sinh ngày 23/4/2008 và Ngô Đại T3, sinh ngày 03/9/2011. Nếu ly hôn thì đề nghị giao cả 02 con cho chị H nuôi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp và nợ chung: Anh T1 không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Anh T1 đồng ý để chị H chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Con chung chị H, anh T1 là cháu Ngô kiều T2 và cháu Ngô Đại T3 đều có nguyện vọng xin được tiếp tục sống với chị H với lý do chị H là người đảm bảo điều kiện sống tốt hơn cho các cháu.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28,35,39 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản đúng và đầy đủ theo trình tự tố tụng, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn tuân thủ đúng quy định tại điều 70,72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Các tài liệu chứng cứ được HĐXX làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn xin ly hôn để xử cho chị Kiều Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T1 theo quy định tại điều 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: Đề nghị áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ để giao cho chị Kiều Thị H được nuôi 02 con chung là Ngô Kiều T2, sinh ngày 23/4/2008 và Ngô Đại T3, sinh ngày 03/9/2011 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ngô Văn T1 cho đến khi có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp và nợ chung: Chị Kiều Thị H và anh Ngô Văn T không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

- Về án phí: chấp nhận tự nguyện của nguyên đơn chịu 300.000đ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được đưa ra xem xét công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội theo quy định tại điều 28,35,39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị H và anh Ngô Văn T1 có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 19/7/2007 tại UBND xã TX, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức kết hôn anh chị về chung sống tại nhà riêng tại thôn TM, xã TX, huyện TT, t.p Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 và kéo dài căng thẳng. Giai đoạn mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2019 cho đến nay. Mặc dù giữa hai vợ chồng không xảy ra xô sát tuy nhiên không khí gia đình càng ngày càng trở nên nặng nề và hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và làm ăn kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia

đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn anh T1.

Trong giai đoạn điều tra giải quyết vụ án, anh Ngô Văn T1 xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng phát sinh căng thẳng đã lâu và đã có lúc muốn đề nghị Tòa án huyện Thạch Thất giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh T1 xin xét xử vắng mặt và không tham gia phiên hòa giải cũng cho thấy thực chất anh T1 không thiết tha đoàn tụ vợ chồng mà mục đích gây trở ngại cho hoạt động điều tra giải quyết vụ án. Mâu thuẫn giữa chị Kiều Thị H1 và anh Ngô Văn T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài do không còn tình cảm. Chị Kiều Thị H1 xin được ly hôn là có căn cứ chấp nhận nên cần áp dụng điều 56 Luật HNGĐ để chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị H1 để xử cho chị Kiều Thị H1 được ly hôn anh Ngô Văn T1.

+ Về con chung: Có 02 con chung Ngô Kiều T2, sinh ngày 23/4/2008 và Ngô Đại T3, sinh ngày 03/9/2011.

Xét thấy: Các đương sự đều thể hiện ý chí giao cho chị H nuôi 02 con chung và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 cho đến khi có yêu cầu mới là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

+Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này chị H, anh T1 có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

+ Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để chấp nhận chị H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị H đối với anh Ngô Văn T1. Chị Kiều Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T1.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Kiều T2, sinh ngày 23/4/2008 và Ngô Đại T3, sinh ngày 03/9/2011.

Giao cho chị Kiều Thị H được tiếp tục nuôi 02 con chung cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ngô Văn T1 cho đến khi có yêu cầu khác.

Anh Ngô Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này và giành quyền cho các đương sự khởi kiện, giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí LHST. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số: 07362 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

[6] Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hỏa niêm yết bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Khuất Đăng Cường